

## QUYỀN 45

Trên đây là dẫn Thiên Thai giáo thuyết minh hai pháp định tuệ an tâm, sau đây y cứ tông Hoa Nghiêm giải thích.

*Kinh Hoa Nghiêm* nói: “Trong nhãn căn nhập chính định, từ sắc trần xuất định, thị hiện sắc tính bất tư nghì, tất cả trời người không thể biết. Trong sắc trần nhập chính định, nơi nhãn căn khởi định tâm chẳng loạn, nói rằng nhãn căn vô sinh không khởi, tính không tịch diệt không tạo tác”.

*Sớ* thích: Định tuệ tuy nhiều nhưng không ngoài sự và lý. Chế ngự tâm một chỗ thì việc gì chẳng xong là môn sự định; hay quán tâm tính khế lý chẳng động là môn lý định; thông đạt pháp tướng là sự quán, khéo rõ vô sinh là lý quán.

Trong các kinh luận hoặc chỉ nói sự định, hoặc chỉ nói lý định; hai quán cũng thế, hoặc lấy chỉ quán, sự lý đối nhau. Hoặc lấy sự quán đối với lý định, như *luận Khởi Tín* nói: “Dùng tất cả tướng cho đến tâm bất khả đắc là chỉ, quán sát nhân duyên sinh diệt là quán”. Hoặc lấy lý quán đối với sự định, như kinh nói: “Nhất tâm chẳng động nhập các thiền, biết rõ cảnh vô sinh gọi là bát-nhã”. Hoặc bao gồm cả hai như, kinh nói: “Thiền định giữ tâm theo một duyên, trí tuệ rõ cảnh đồng tam-muội. Hoặc cùng mất cả hai, chẳng phải định, chẳng phải tán; hoặc định tức là quán chỉ gọi là định, như quán tâm tính gọi là thượng định; hoặc quán tức là định chỉ gọi là quán, như dùng trí vô phân biệt quán gọi là bát-nhã. Hoặc nói cùng vận dụng cả hai, nghĩa là chiếu tức tịch. Vì vậy người có tầm nhìn hạn cuộc xem qua văn này biết các môn hỗ trợ nhau chẳng phải bài bác; người tu vào được một môn đều có thể khắc chứng nhưng chưa thể hoàn toàn thông suốt.

Nay kinh văn này khéo léo hiển bày vô ngại, đại lược chia làm năm đôi:

1- Đôi thứ nhất là căn cảnh vô ngại, nghĩa là quán căn nhập định lẽ ra từ căn xuất định mà lại từ cảnh xuất định, là hiển bày căn cảnh chỉ là nhất tâm, duyên khởi không hai, lý tính dung thông, thế

nên căn nhập định cảnh xuất định, cảnh nhập định căn xuất định cũng như thế.

2- Đôi thứ hai là lý sự hai định vô ngại, nghĩa là phân biệt sự tướng lẽ ra nhập sự định mà lại nhập lý định; muốn quán tính không lẽ ra phải nhập lý định mà lại nhập sự định; vì khế hợp lý tức sự chẳng động nên nhập lý chính là nhập sự. Vì chế phục tâm sự tức lý theo một duyên nên nhập sự chính là nhập lý, nhưng kinh văn chỉ nói nhập chính định, không nói sự lý cho đến xuất quán.

Trong cảnh thì nói phân biệt sắc tướng đây là sự quán; trong căn thì nói tính không tịch đây là lý quán, cũng là đem căn sự đối với cảnh lý để nói vô ngại.

3- Đôi thứ ba là sự lý hai quán vô ngại, nghĩa là muốn phân biệt sự tướng lẽ ra phải từ sự quán khởi nhưng ngược lại từ lý quán khởi. Vì cảnh sơ quán đã bao gồm chân tục, pháp giới không hai nên trí phân biệt chính là trí vô sinh; vì hai quán chỉ là nhất tâm nên lẽ ra đem cảnh sự lý đối với căn sự lý để nói vô ngại.

4- Đôi thứ tư là xuất nhập vô ngại, nghĩa là vì khởi định là nhập định nên khởi định mà tâm không tán loạn. Nếu đem sự lý so sánh lẽ ra phải thành bốn câu: sự nhập sự khởi, sự nhập lý khởi, lý nhập lý khởi, lý nhập sự khởi. Nếu đem căn cảnh so sánh cũng thành bốn câu: căn sự nhập, cảnh sự khởi v.v.. .Hãy suy xét kỹ đều có nguyên do.

Hoặc đem lý quán đối với sự chỉ, nghĩa là khế lý thì vọng hết; hoặc đem sự quán đối với lý chỉ, nghĩa là vô niệm mà biết cảnh. Hoặc đem sự quán đối với sự chỉ, nghĩa là quán một cảnh tâm không lay động; hoặc đem lý quán đối với lý chỉ, nghĩa là bật tâm chiếu soi tột cùng.

*Bách Môn Nghĩa Hải* nói: “Xuất nhập định nghĩa là thấy trần tính không, biết rõ lý chân thật của tất cả mười phương gọi là nhập định. Nhưng lúc thấy trần vô tính; lý không là không của mười phương, vì sao ? Do tâm của mười phương thấy một trần cho nên toàn lấy mười phương làm trần, định cũng chẳng ngại sự tướng rõ

ràng cho nên nó cùng khởi với định, đồng hư không giới. Chỉ vì nhất đa dung thông, đồng dị vô ngại, thế nên một nhập nhiều khởi, nhiều nhập một khởi, sai biệt nhập nhất tế khởi, nhất tế nhập sai biệt khởi, đều đồng thời nhất tế thành lập không sai khác. Phải biết định là khởi, khởi là định, một đồng thời thành lập với tất cả, xuất nhập vô ngại.

5- Đôi thứ năm là hai lợi thể dụng vô ngại, nghĩa là đối với căn cơ sâu dày khởi định tâm chẳng loạn, đây là thể, là tự lợi; chẳng ngại lý phô bày nơi cảnh rộng, đây là dụng, là lợi tha, trời người không thể biết. Do vì thể dụng không hai nên tự lợi chính là lợi tha.

Mười nghĩa trên đây đồng là pháp giới duyên khởi tương tức tự tại, Bồ-tát khéo đạt tác dụng vô ngại.

Lại kinh còn căn cứ vào căn cảnh đối nhau cũng lẽ ra phải cảnh cảnh đối nhau, nghĩa là sắc trần nhập định, thanh hương tam-muội khởi. Lại lẽ ra phải căn căn đối nhau, nghĩa là nhãn căn nhập định, nhĩ căn tam-muội khởi v.v... Nói tính của sắc khó suy lường v.v... tức là sắc v.v... tổng trì là sắc đà-la-ni tự tại Phật v.v... cũng lẽ ra phải nói rằng phân biệt tính của nhãn căn khó suy lường có nhãn đà-la-ni tự tại Phật v.v...

Lại trong nhãn căn nói tính không tịch diệt, tức là độ môn của nhãn căn, nhãn căn v.v... vốn thanh tịnh, cũng lẽ ra phải nói độ môn của sắc v.v... vốn thanh tịnh, không chỉ có chấp tướng là nhiễm, vô tâm là tịnh mà thôi.

Lại dùng trí nói tam quán thúc liễm tâm để phân biệt sắc tướng v.v... gọi là giả quán; tính không tịch diệt gọi là không quán; hai pháp này không hai, tính của sắc khó lường gọi là trung đạo quán. Ba pháp quán này không có trước sau đều là nhất tâm.

Những điều trên đây vô ngại, sâu kín vi diệu khó hiểu, người mới học làm sao thâm nhập? Nay muốn tổng kết, chỉ cần biết sự lý vô ngại, căn cảnh nhất như, niệm lự chẳng sinh thì tự sẽ thâm nhập! Thế nên trong sự tức lý đâu từng có ngại, ngoài tâm không cảnh, niệm tự chẳng sinh, như thế thì nhất tâm vào Tông Cảnh thành chỉ

quán song hành mới có thể rớt ráo định tuệ trang nghiêm, tự lợi lợi tha, đầy đủ vạn hạnh.

Lại nếu có người tâm bất an ở trong tam giới chưa vào môn chỉ quán, chẳng phải là người tu học, tình theo muôn cảnh, ý khởi trăm điều, ở trong vòng lửa ngũ dục chưa từng an ổn, vào nhà tù ngũ trược làm sao tỉnh giác để tạm lìa ? Lưới trần ngàn lớp dày đặc thường nhất kín ý thức, từng sợi dây ái muôn gút trói buộc tâm tình, núi cao kiêu mạn che lấp pháp giới, sóng dữ của biển tham nuốt chửng dục lưu. Như đàn ong bày kiến tất bật suốt ngày, như con chó vụn trộm, con chuột lén lút kết cấu nhau mưu tính. Ngọn lửa bất khổ thiêu đốt mãi, dòng sông nhị tử luôn nhận chìm, luân hồi sinh tử, khổ não buộc ràng đều là không thể tự an tâm. Ngày nay ở trong giấc mộng lớn của vô minh, trần lao, tam giới, đêm dài sinh tử, chỉ có bậc giác ngộ mới cắt đứt lưới ái, thấu rõ nguồn gốc của khổ đau, mong cầu nguồn an lạc đại tịch diệt của Như Lai.

Môn an tâm nói trên, nếu liền đó tương ưng thì không có định tuệ trước sau. Định là thể của tự tâm, tuệ là dụng của tự tâm. Vì định là tuệ nên thể không rời dụng; vì tuệ là định nên dụng chẳng lìa thể. Cùng ngăn che thì cùng mất hết; cùng chiếu soi thì cùng tồn tại; thể dụng tương thành, che chiếu vô ngại. Hai pháp định tuệ này là điểm trọng yếu của sự tu hành, là đại chỉ của chư Phật, kinh luận đều diễn bày. Do đó *kinh Pháp Hoa* nói: “Nhờ sức thiên định, trí tuệ mà được cõi nước pháp”. Lại nói: “Sức định tuệ trang nghiêm, dùng đây độ chúng sinh”. Bài tụng trong *kinh Hoa Nghiêm* nói:

*Hoặc kiến luôn trói buộc chúng sinh  
Vô trí dày đặc chưa dẹp trừ  
Hoặc ấy với tâm đều cùng sinh  
Thường ràng buộc nhau chẳng hề dứt  
Chỉ là vọng tưởng chẳng chân thật  
Chẳng lìa nơi tâm, chẳng nơi chốn  
Cảnh định bày ra vẫn thoái chuyển,  
Đạo kim cương diệt mới tất cánh.*

*Kinh Đại Niết-bàn* nói: “Cùng học định tuệ, thấy rõ Phật tính”.  
Lại nói: “Trước lấy định lay động, sau dùng tuệ nhổ lên”.

*Luận Đại Trí Độ* nói: “Thiền định là cha trí tuệ là mẹ, hay sinh ra tất cả đạo sư”. Lại nói: “Vì nghiệp lực nên đi vào sinh tử; do định lực nên ra khỏi sinh tử”.

Vì thế nói thiền không có trí thì không thể tận cùng sự lặng lẽ; trí không có thiền thì không thể phát sinh sự chiếu soi. Vì sao ? Vì thiền không có trí chỉ là sự định; nếu được trí tuệ quán xét tâm tính tức là thượng định. Nếu trí không có thiền chỉ là tán loạn khéo phân biệt; tuệ nếu có định giống như nhà kín đèn đứng yên hay soi sáng, vì lìa dao động phân biệt mà thành trí tuệ chân thật. Nếu định tuệ vận hành động tĩnh dung thông thì niệm niệm vào môn tam-muội lặng lẽ chiếu soi vô cùng.

Những khai thị, những chứng minh trên, dung hòa phân tích, bớt rườm rà chọn lọc cốt yếu, bỏ nguy giữ chân, dùng nhiều môn phương tiện để cho tất cả chúng sinh đều vào Tông Cảnh. Như trong túi có của báu, không tìm tòi làm sao biết có ? Như kho vàng trong nhà chưa gặp người trí làm sao khai quật ? Như hạt châu giấu trong áo rách, chẳng nhờ bạn thân chỉ cho thì làm sao giàu có ? Như gia trân của kẻ cùng tử, nếu chẳng phải trượng giả dỗ dành chỉ bảo thì đâu thể kế thừa gia nghiệp ? Giả sử biết rõ rồi tín nhập không nghi, mỗi người phải nỗ lực mới được, mài giũa tập khí còn sót bèn được tương ưng. Trong mọi lúc không được quên chiếu, tự xem mình đã thuần thực chưa, rồi ứng dụng phương cách, lúc nào tu định, lúc nào tu tuệ. Nếu tâm tán loạn cần phải tu định, nếu ý hôn trầm nên tu tuệ; nếu ở trong hai vị kiến đạo và tu đạo thì lúc tu chẳng phải lúc chứng; nếu ở trong địa vị tất cánh thì lúc chứng chẳng phải lúc tu. Không phải như hàng Nhị thừa nôn nóng thủ chứng, chìm trong biển thật tế, đắm trong hầm giải thoát. Lại không thể bắt chước tỳ-kheo Vô Văn làm hướng vô sinh cầu đi lên mà trở lại rơi xuống; như ngoại đạo khổ hạnh chui đầu vào lưới tà kiến mong ngộ mà bị mê. Môn định tuệ này là con đường chân tu, là mặt trời chiếu tông

môn, là chiếc thuyền qua biển giác, là hai bánh của xe trâu trắng to đẹp, là hai cánh bay lên cõi trời đệ nhất nghĩa, học đủ hai môn này mới thấy rõ Phật tính, trang nghiêm hai môn này mới có thể độ chúng sinh, là vua của cõi nước pháp. Do năng lực của định tuệ này mà ra khỏi đày biển sinh tử, toàn nhờ song tu mà dẹp tan vọng loạn như gió thổi tan mây; phá trừ ngu ám như mặt trời soi sáng thế gian; lung lay gai sâu tà kiến, nhổ rễ cứng vô minh, là âm dương của biển đại giác, là cha mẹ của Bảo Hoa Vương, đầy đủ nền tảng nhất thừa, giữ vững bức tường vạn hạnh, được tương ưng thì có thể vào Tông Cảnh. Ở trên căn cứ Thiên Thai giáo thuyết minh năm trăm lần pháp môn an tâm đều là theo căn cơ đối bệnh cho thuốc; nay y theo Tổ giáo còn có một môn rất quan trọng, đó là vô tâm. Vì sao? Nếu có tâm thì chẳng an, vô tâm tự an lạc. Cho nên tiên đức có bài kệ:

*Chớ cùng tâm làm bạn,  
Vô tâm tâm tự an;  
Nếu làm bạn với tâm,  
Động là bị tâm lừa.*

*Kinh Pháp Hoa* nói: “Phá hữu thì pháp vương xuất hiện thế gian”. *Kinh Tịnh Danh* nói: “Trừ bỏ tất cả chỉ để lại một cái giường”, tức là trừ bỏ vọng tâm; ngoại cảnh vốn không, vì tâm có pháp có, tâm không cảnh không, do đó *luận Khởi Tín* nói: “Cho nên phải biết tất cả tướng cảnh giới ở thế gian đều nương nơi vô minh vọng niệm chúng sinh được kiến lập, như bóng trong gương không thật thể, chỉ từ tâm hư vọng phân biệt chuyển; tâm sinh thì các pháp sinh, tâm diệt thì các pháp diệt”. Thế nên chỉ cần vô tâm thì cảnh tự chẳng hiện; đã không có đối đãi thì thuận nghịch nào sinh? Do nghịch cảnh nên sinh ra giặc dữ sân nã trong lòng; do thuận cảnh nên khiến mũi tên hoa ái tình bắn vào thể thân làm cho tâm động nên gọi là bất an. Nay nếu vô tâm thuận nhiên vô sự thì mọi việc chợt đến cũng chẳng nhiều loạn tâm thân, dù đối diện bao nhiêu nghịch cảnh cũng chẳng bận lòng. Do đó ngài A-nan chấp có

mà không căn cứ bảy chỗ mờ mịt; Nhị Tổ thể hội không mà được an ổn, ngay lời nói liền thành đạo. Nếu không rõ ý chỉ vô tâm dù cho đối trị chiết phục nhưng tướng bất an vẫn còn. Nếu rõ vô tâm thì chạm vào đâu cũng không trệ ngại, tâm không một mảy trần dù đối diện nào nhọc công khiến trừ, không khởi một tình niệm chẳng phải do cố gắng quên duyên.

Lại căn cứ theo giáo, vô tâm có hai thứ: một là lóng lạng làm cho không, hai là đương thể là không.

Lóng lạng làm cho không, tức là nhiếp niệm an thiền, trừ sạch giác quán, lòng rỗng rang lạng mọi suy nghĩ dần dần đến chỗ vi tế.

Đương thể là không, tức là thấu rõ vô sinh, vì chỗ khởi một niệm không có thật. Kinh nói: “Một niệm mới khởi không có tướng ban đầu”, đây là chân hộ niệm. *Luận Bảo Tạng* nói: “Li (thể của pháp tính) là không thân, vi (dụng của pháp tính) là không tâm”. Không thân nên thân lớn, không tâm nên tâm lớn. Tâm lớn nên trí trùm khắp vạn vật, thân lớn nên ứng hiện vô cùng. Thế nên chấp thân là thân thì mất đi sự ứng hóa rộng lớn, chấp tâm là tâm thì mất đi đại trí, vì thế ngàn kinh muôn luận đều nói lìa thân tâm, phá trừ chấp trước để vào nơi chân thật, như thợ kim hoàn luyện quặng lấy vàng làm đồ trang sức. Nếu có thân thì có thân ngại, vì có thân ngại nên pháp thân ẩn trong hình thể. Nếu có tâm thì có tâm ngại, vì có tâm ngại nên chân trí ẩn trong niệm lự, cho nên đại đạo chẳng thông, diệu lý chìm ẩn, sáu thần nội loạn, sáu cảnh ngoại duyên, ngày đêm nom nớp sợ hãi.

Nếu không quán tâm thì không thấy “vi”, không quán thân thì không thấy “ly”. Nếu không thấy “li vi” thì đánh mất đạo yếu. Cho nên kinh ghi: “Phật nói chẳng phải thân là đại thân”, tâm cũng như thế, đây là phá quyền quy thật, đưa giả về chân, như thợ kim hoàn luyện quặng lấy vàng làm đồ trang sức, diệt tướng hỗn dung để thông đại dã. Đại dã nghĩa là đại đạo. Trong đại đạo này tạo hóa vô cùng, lưu xuất vạn tông, hoặc thành hoặc hoại thể chẳng tăng giảm, cho nên kinh nói: “Có Phật, không Phật, tính tướng thường trụ”.

Tướng hỗn dung, chỉ vì người ngu chấp hữu tướng sợ vô tướng. Tướng là vì ngoại đạo chấp vô tướng, sợ hữu tướng. Trung đạo là muốn cho biết hữu tướng vô tướng không hai. Đây là phá chấp trừ nghi, lời nói chẳng tận cùng được lý. Nếu lại có người biết rõ tướng vô tướng bình đẳng không hai, không thủ không xả, không kia không đây, cũng không khoảng giữa thì không nhờ Thánh nhân chỉ dạy mà lý sự thông suốt.

Như trên đã nói, có tâm thành chướng ngại, vô tâm tự nhiên hợp đạo, tức là lìa vọng tâm, chân tâm bất động. Như *luận Thích Ma-ha-diễn* nói: “Lìa tướng tâm duyên, tâm lượng có mười: 1- Nhãn thức tâm, 2- Nhĩ thức tâm, 3- Tỷ thức tâm, 4- Thiệt thức tâm, 5- Thân thức tâm, 6- Ý thức tâm, 7- Mạt-na thức tâm, 8- A-lại-da thức tâm, 9- Đa nhất thức tâm, 10- Nhất nhất thức tâm”. Như vậy trong mười tâm, chín tâm ban đầu chẳng duyên chân lý, một tâm sau cùng được duyên chân lý làm cảnh giới. Nay y cứ chín tâm trước nói lìa tướng tâm duyên. Trong khế kinh vốn nói chân thể thậm thâm chẳng phải cảnh giới khác, chỉ tự duyên sở y là cảnh giới, cho nên *kinh Lăng Già* nói: “Tâm lượng chẳng phải tâm ta nói là tâm lượng”, nghĩa là dùng phi tâm lượng để khiến trừ tâm lượng. Nếu cho phi tâm lượng là phải thì đây là tâm lượng.

Nay cho phi tâm lượng là tâm lượng bất tư nghi, vì chẳng ngại tâm lượng. *Như kinh Hoa Nghiêm* nói: “Bồ-tát trụ bất tư nghi là phi tâm lượng, ở trong đó tư nghi không thể tận thì đó là tâm lượng, vì hai tướng đoạt nên tư cùng phi tư đều tịch diệt”. Lại nói: Ở chỗ phi tâm biểu hiện sinh ra tâm; phần nhiều người ta hiểu lầm tình là phi tình, phi tình là tình. Nếu chấp chỗ phi tâm biểu hiện sinh ra tâm đây là phi tình là tình. Đã nói biểu hiện sinh ra chẳng phải thật vô tình là hữu tình.

*Kinh Đại Bảo Tích* ghi: “Phật nói: Nay Văn-thù, ông có nhập bất tư nghi tam-muội chăng? Văn-thù-sư-lợi thưa: Bạch Thế Tôn, không ạ! Con chính là bất tư nghi, chẳng thấy người có tâm có thể tư nghi, tại sao lại nói nhập bất tư nghi tam-muội. Con vừa phát

tâm muốn nhập định này mà nay suy nghĩ thực ra không có tâm tương để nhập tam-muội, giống như người học bắn tên, lâu ngày sẽ bắn giỏi, về sau dù vô tâm cũng bắn trúng đích vì đã tập bắn lâu ngày. Con cũng như thế, lúc mới học bắt tư nghì tam-muội, buộc tâm một chỗ; lâu ngày thành tựu, lại không tâm tương mà luôn được định tâm”.

Lại tiên đức nói: Một niệm vọng tâm vừa động liền có đủ các nỗi khổ thế gian. Như người ở trong rừng gai, không cựa quậy thì không bị gai đâm; vọng tâm chẳng khởi thì luôn ở trong an vui tịch diệt; một niệm vọng tâm vừa động liền bị chư hữu làm tổn thương, vì thế kinh nói có tâm là khổ, vô tâm là vui. Nên biết vọng tâm chẳng khởi mới khế hợp với niềm vui tịch diệt của pháp thân.

Hỏi: Vốn tự vô tâm, vọng nương vào đâu khởi ?

Đáp: Vì chẳng rõ vốn tự vô tâm gọi là vọng; nếu biết rõ vốn tự vô tâm thì vọng không chỗ khởi, chân không có thực.

Hỏi: Vì sao có tâm thì vọng, vô tâm thì không vọng ?

Đáp: Vì pháp giới tính không tịch, không có chủ thể. Có tâm thì có chủ thể, có chủ thể thì có phân cách; vô tâm thì không có chủ thể, không có chủ thể thì không phân cách, không phân cách thì không sinh tử.

Hỏi: Vô tâm có phải là lìa tâm được vô tâm hay là tức tâm được vô tâm ?

Đáp: Tức tâm được vô tâm.

Hỏi: Tức tâm là có tâm, làm sao được vô tâm ?

Đáp: Chẳng hoại tâm tương mà không phân biệt.

Hỏi: Đâu thể phân biệt biết ?

Đáp: Ngay phân biệt biết không năng sở là vô tâm, đâu phải không có tác dụng mới là vô tâm, ví như gương chiếu các vật nào có tâm ? Nên biết tất cả chúng sinh hằng tự vô tâm, tâm thể xưa nay thường lặng lẽ, tịch mà thường chiếu, chiếu mà thường tịch, tùy cảnh soi chiếu rõ ràng đều là thật tính tự như thế, chẳng phải có tâm mới có tác dụng. Chỉ vì chúng sinh chẳng rõ tự tâm thường

tịch, vọng chấp có tâm, tâm liền thành cảnh. Vì ngay tâm là vô tâm nên tâm luôn là lý; vì ngay lý là vô lý nên lý luôn là tâm. Lý luôn là tâm nên chẳng động tâm tướng. Tâm luôn là lý nên không có tâm tướng. Vì không có tâm tướng nên chúng sinh chẳng sinh; vì động tâm tướng nên Phật cũng chẳng sinh. Vì chúng sinh và Phật đều chẳng sinh nên phàm Thánh là pháp giới tính thường tự bình đẳng, thuận một đạo thanh tịnh không còn pháp nào khác. Nên biết chỉ có tâm phân biệt hiểu biết đều là hư vọng như chiêm bao. Nếu chưa hoàn toàn giác ngộ còn chút sở kiến vẫn là chuyện chiêm bao; chỉ cần được vô tâm liền đồng với sau khi giác ngộ dứt sạch các cảnh giới. Còn một chút kiến giải về tu chứng bất tư nghi giải đều chẳng lìa khỏi là việc mộng của ba cõi. Kinh nói: “Không có chút pháp để được, Phật liền thọ ký”.

*Vô Sinh Nghĩa* ghi: “Thiên tử Bất Thối Chuyển nói: Cõi Phật chưa từng tư duy phân biệt thấy và chẳng thấy ngã, tôi cũng chẳng tư duy phân biệt thấy và chẳng thấy cõi Phật. Cho nên biết những kiến chấp từ nơi có tâm mà sinh, vì cõi Phật vô tâm nên chẳng thấy thiên tử, thiên tử có tâm mà không khởi niệm nên nói chẳng thấy cõi Phật, đều thành chẳng khác, vì thế biết hữu tâm vô tâm đều là không”.

Đại sư Pháp Dung nói: “Hình bóng trong gương vốn vô tâm; nói cảnh tượng vô tâm là từ chỗ vô tâm nói vô tâm. Đối với người thì nói hữu tâm, nói người vô tâm là từ chỗ hữu tâm nói vô tâm. Trong hữu tâm nói vô tâm là quán ngọn (mạt quán); trong vô tâm nói vô tâm là quán gốc (bản quán). Vì chúng sinh chấp có thân tâm nên nói bóng trong gương để phá cái chấp; vì chúng sinh chấp bóng trong gương là thật nên nói tắt cánh không để phá cái chấp bóng trong gương”.

Nếu biết bóng trong gương tắt cánh không, thì thân tâm tắt cánh không, giả danh tắt cánh không, cũng không tắt cánh không. Nếu thân tâm vốn không, Phật đạo cũng vốn không, tất cả pháp cũng vốn không, vốn không cũng vốn không.

Nếu biết vốn không cũng là giả danh, Phật đạo cũng là giả danh. Phật đạo chẳng phải từ trên trời rơi xuống, cũng chẳng phải từ dưới đất chui lên, đúng là tâm tính rộng không soi chiếu thế gian như ánh mặt trời.

*Trí Luận* nói: “Nếu biết tâm chẳng thể thấy, vì sao Phật nói biết đúng như thật chẳng thể thấy tâm ? Đáp: Có người tọa thiền nhớ nghĩ phân biệt, thấy tâm này như hạt châu trong sáng trong chéo áo. Người quán xương trắng, thấy tâm lần lượt tiếp nối sinh, hoặc có khi thấy tâm ở trong thân, hoặc thấy tâm ở bên ngoài, như vô biên thức xứ chỉ thấy thức vô lượng vô biên. Vì để phá trừ những điều hư vọng trên nên Phật dạy: Biết tâm chúng sinh đúng như thật, tâm chúng sinh tự tướng không, nên tướng vô tướng. Lại nữa, Phật dùng ngũ nhãn để quán sát tâm này không thật có, nhục nhãn thiên nhãn vì duyên sắc bên ngoài nên chẳng thấy, huệ nhãn vì duyên niết-bàn nên chẳng thấy, pháp nhãn bậc sơ học Bồ-tát phân biệt các pháp thiện, bất thiện, hữu lậu, vô lậu v.v.. pháp nhãn này vào trong thật tướng thì không còn phân biệt.

Như trên đã nói, tất cả pháp chẳng biết chẳng thấy nên chẳng thấy; Phật nhãn quán tướng tịch diệt nên chẳng thấy, cho đến không như cái thấy do ức tướng phân biệt của kẻ phàm phu.

Lại nữa, ngũ nhãn do nhân duyên hòa hợp sinh đều là tướng hư dối không thật, Phật chẳng tin chẳng dùng, thế nên nói không dùng ngũ nhãn để thấy.

Hỏi : Xá-lợi-phất biết tâm tướng thường tịnh, vì sao còn hỏi ?

Đáp: Vì Bồ-tát phát tâm vô thượng chính đẳng chính giác mà vẫn còn chấp trước. Tuy nghe nói tâm tất cánh không, thường thanh tịnh mà vẫn ức tướng phân biệt chấp không có tâm tướng, vì thế hỏi tâm là vô tâm tướng, là có hay là không ? Nếu có thì tại sao nói không có tâm tướng ? Nếu là không vì sao lại ca ngợi không có tâm vô thượng chính đẳng chính giác mới thành Phật đạo ?

Tu-bồ-đề đáp: Trong vô tâm tướng tất cánh thanh tịnh, có không đều không thật, chẳng nên hỏi.

Xá-lợi-phát lại hỏi: Những gì là vô tâm tướng ?

Tu-bồ-đề đáp: Tất cánh không, tất cả các pháp vô phân biệt, gọi là vô tâm tướng. Vô tâm tướng này là ngay tâm vô tâm, chẳng phải đợi đoạn diệt. Như kinh nói: “Như có chúng sinh hay quán tất cả vọng niệm vô tướng là chứng được trí tuệ Như Lai”.

Lại nữa, vô tâm không được hiểu theo tình kiến có không. Nếu cho tâm là không, đây là thành có. Nếu tất cả chỗ đều vô tâm như gỗ đá gạch ngói, đây trở thành đoạn diệt, đều thuộc về ý căn, biết các việc thuộc về vọng thức, vì thế gọi là bất tư nghì định, vì tính kiến có không chẳng đến được.

Lại lặng lẽ là sự, ngay thể là lý. Sự có công năng hiển lý, lại còn có nghĩa che lý. Lý có công năng thành sự, còn có khả năng đoạt sự. Nếu cùng chấp thì cả lý sự đều tồn; nếu cùng quán thì cả lý sự đều đúng.

Thế nào là hiển lý ? Nếu diệu tính chưa phát thì phải nhờ sự hạnh giúp hiển bày trang nghiêm, như nước lắng trong mới thấy được cá, sỏi.

Thế nào là thành sự ? Nếu công hạnh chưa tròn, chắc hẳn nhờ vào lý quán dẫn dắt mở đường.

Thế nào là che lý ? Nếu chỉ chấp sự tọa thiền, trở lại làm mờ con mắt chính mình, chưa biết huyền chỉ, luống nhọc niệm tĩnh.

Thế nào là đoạt sự ? Nếu thiên chân sáng chói như mặt trời làm tan băng thì cần gì điều tâm thu nhiếp đè nén. Cho nên trong kinh có bài kệ:

*Tu học các tam-muội,  
Là động chẳng phải thiên,  
Tâm chuyên theo cảnh giới,  
Làm sao gọi là định ?*

Vì thế không thể chấp một chấp hai, cho là phải, cho là trái, chỉ cần đúng lúc tùy dụng viên dung đắc lực, tự rõ được sâu cạn. Nếu đã quy tông thuận chỉ thì lý sự không còn, tâm cảnh đều mất, định tuệ cùng lặng. Như *Vĩnh Gia Tập* ghi:

*Do pháp xa-ma-tha  
Tuy tịch mà thường chiếu;  
Do ti-bà-xá-na  
Tuy chiếu mà thường tịch;  
Nhờ pháp ưu-tất-xoa  
Chẳng chiếu cũng chẳng tịch.*

Chiếu mà thường tịch nên nói tục là chân; tịch mà thường chiếu nên nói chân là tục; phi tịch phi chiếu nên im lặng nơi thành Tỳ-da. Đây chẳng những bật đường ngôn ngữ mà chỗ tâm hành cũng diệt. Do đó *kinh Viên Giác* nói: “Sự tư duy sinh khởi từ hữu tâm đều là sự phan duyên theo sáu trần của vọng tưởng, chẳng phải là tâm thể chân thật như hoa đốm trong hư không”. Dem sự tư duy này luận bàn Phật cảnh giống như hoa đốm trong hư không kết thành quả trong hư không, càng thêm vọng tưởng, không bao giờ có việc ấy.

Hỏi: Đã chẳng có tri giải về có không (hữu vô) làm sao biết đúng về vô tâm ?

Đáp:

*Hổ đá đánh nhau trên núi  
Hoa lau chìm dưới đáy sông.*

Hỏi: Đoạn trước nêu tông chỉ không nói pháp tướng tại sao từ đây trở xuống nói rộng về chủng tử hiện hành các thức, huân tập nghĩa lý sai biệt, du-già, duy thức bách pháp, ngũ vị, sự tướng pháp môn ?

Đáp: Chư Phật đại khái chỉ nói nhị không, chứng hội nhất tâm chân như bản tính, do đó *luận Bách Pháp* nói: “Như Thế Tôn dạy tất cả pháp vô ngã. Thế nào là tất cả pháp ? Đó là tâm pháp. Thế nào là hai thứ vô ngã ? Đó là nhân vô ngã và pháp vô ngã. Nếu tất cả chúng sinh được nhân pháp đều không, biết tất cả pháp tức tâm tự tính thì còn có pháp nào khác để phô diễn ?”

Như luận Du-già là do Bồ-tát Vô Trước thỉnh đức Di-lặc nói. Luận nói: Bồ-tát Vô Trước ở địa vị Sơ địa chứng pháp quang định,

được đại thần thông, phụng sự đức Di-lặc, thỉnh ngài nói luận này. Tận cùng lý sự, giải thích văn nghĩa, phá trừ nghi chấp, tu chứng hạnh quả, đúng là Bồ-tát khiến cho cảnh, hạnh, quả các thừa đều được thiện xảo, siêng tu đại hạnh, chứng đại bồ-đề, thường diễn nói chân thật cho hữu tình. Cho đến trong Du-già, hạnh quán không thiếu một pháp muốn cho chúng sinh chứng đắc và hiện quán. Hoặc nói chân như hoàn toàn thanh tịnh gọi là chỗ tốt cùng của lý Du-già, vì tương ưng với tất cả công đức.

Vì vậy đại sư Trí Giả trong *Tịnh Danh Sớ* có hỏi: Y theo học thuật của Long Thọ, có ý gì mà sử dụng nghĩa của Thiên Thân ?

Đáp: Long Thọ, Thiên Thân đâu không cùng vào pháp môn bất nhị ? Đều là Phật giáo tùy theo ý nghĩa trình bày mà sử dụng giải thích, sao lại cố chấp thủ xả ? Nếu phân biệt kết sử phiền não sinh tử giới ngoại và danh nghĩa các hạnh thì phải đọc kỹ những trước tác của Thiên Thai. Nếu dùng quán môn để khiến trừ, an tâm nhập đạo không gì hơn Long Thọ ? Nếu chẳng đem Địa Luận, Nhiếp Đại Thừa Luận để đối chiếu thì người ta bảo nói những điều phức tạp phi nghĩa. Cho nên biết Bồ-tát chế tác những bộ luận đều có liên quan đến Thánh điển, không phải tự đặt ra, mà các ngài dẫn giải rộng và chứng minh giúp cho người sinh văn tuệ; Tông Cảnh được biên tập đại ý cũng như thế.

Nếu trước hết chẳng thấu rõ các bộ luận của các ngài Thiên Thân, Hộ Pháp, phân tích vi tế về căn trần, sinh tử thì làm sao dựa vào quán môn của ngài Long Thọ mà khiến trừ. Như không sai biệt thì không thể viên dung. Cũng như trước không xem mạch để tìm nguyên nhân của bệnh thì làm sao theo toa bốc thuốc ?

Chẳng hạn như cư sĩ Tịnh Danh sắp lên ngôi Đẳng giác vẫn còn nguyên phẩm vô minh, nhân thật của bệnh chưa hết, thị hiện đời sau có sinh tử, quả thật bệnh vẫn còn.

*Tịnh Danh Sớ* nói: Cõi thật báo vô chương ngại vì sao vẫn còn cái nhân bệnh bốn phần phiền não ?

Đáp: Khai mở duyên tập của tự thể pháp giới Bồ-tát có bốn phần, vì sao ? Chấp lấy tự thể nhất thật đế chính là tham ái, xả bỏ hai bờ sinh tử chính là dứt sạch sân giận, mê nhất thật đế, vô minh chưa sạch nên vẫn còn ngu si. Ba phần đều giữ lấy chính là các phần bằng nhau, đây là ba độc căn bản. Vì vậy *kinh Thỉnh Quán Âm* nói: “Trừ sạch cội rễ ba độc liền thành Phật đạo không nghi, hướng chi nghiệp trời buộc phạm phu mắc phải bệnh phần đoạn sinh tử”. Nhưng ngày nay phần nhiều chẳng chịu suy tìm tinh tế và đọc nhiều Thánh điển nên mù mờ giáo quán, thiếu sót lý hạnh, chỉ chạy theo ngôn ngữ theo sự hiểu biết nhất thời khiến trừ; phỉ dẫu mà dẫu vẫn còn, trả về không mà không chẳng mất, vì không ra khỏi pháp trần, hoàn toàn là bóng dáng. Đâu biết rằng chủng tử và hiện hành của tâm vương, tâm sở gốc rễ tùy chỗ khởi sinh diệt của căn trần vi tế.

Tâm tâm lưu chú, niệm niệm hiện hành, như say như si, mê mờ chẳng biết; đèn tuệ tắt ngúm, nước định khô kiệt, chẳng biết pháp môn nào có thể được thanh tịnh. Chỉ học hỏi những lời lẽ cao xa sẵn có, nêu tên các bậc Thánh trước kia mà không pháp môn chính niệm tu hành, sa vào tà kiến. Hôm nay khiến cho khắp nơi biết bệnh rõ thuốc, uống vào dứt sạch ba độc, thấy tính của nhất tâm.

Vả lại, Mã Minh, Long Thọ đều là các bậc được truyền tâm ấn Phật tại Tây Thiên. Tổ sư Mã Minh soạn luận Đại Thừa Khởi Tín triển khai ba tướng tế của a-lại-da, sáu tướng thô của thức, hai môn nhất tâm chân như và sinh diệt. Long Thọ sáng tác luận Ma-ha-diễn trích dẫn một trăm bản kinh Đại thừa, chứng minh ý nghĩa vi tế tính tướng của tám thức tâm vương, tại sao hậu học không chịu nối tiếp bậc tiên hiền. Có thể nói sợi dây ngắn không thả tới giếng sâu, cánh chim yếu không thể bay cao.

Nếu chẳng rõ sự tướng bên ngoài thì làm sao phân biệt cội nguồn thể tính kia. Cũng như pháp thế gian nếu chưa thấy biển thì làm sao biết được sóng; chưa thấy núi đâu thể biết được đất. Ngày

nay muốn rõ được tổng biệt, thông đạt lý sự; chẳng thấu được sự thì lý làm sao viên, chẳng biết lý thì sự đâu thể lập, cho nên nói lý theo sự hiện nên nhất đa duyên khởi vô biên; sự được lý dung nên thiên sai xen nhập vô ngại.

Lại từ tổng xuất biệt, nhân biệt thành tổng, chẳng có biệt làm sao thành tổng, không nhờ tổng đâu thể có biệt thì lý sự tổng biệt là một không sai.

Nhưng vì ngày nay chỉ chấp tổng kẹt lý nên kiến giải không trọn vẹn, pháp nhãn không thể sáng, tâm nghi muốn dứt mà chẳng thể dứt khiến cho lý sự trở ngại, tổng biệt chẳng thông, cho nên trong tứ hoàng thế nguyện có câu: “Pháp môn vô biên thế nguyện học, Phật đạo vô thượng thế nguyện thành”. Sao lại để thời gian luống qua, trái với bản nguyện, ngòi ngu ngơ, cô phụ bốn ân; như người ngu si không phân biệt lúa đậu, như trâu dê chẳng biết phương hướng. Hiện nay đôi cảnh còn chưa rõ biết, lúc lâm chung gặp duyên làm sao biện biệt? Như vậy cần phải đạt sự thông lý, thấu quả triệt nhân, không pháp nào mà chẳng biết, không trần nào mà chẳng chiếu, thì kiến văn không thể mê hoặc, cảnh giới không thể chi phối. Vì thế *kinh Pháp Hoa* nói: “Pháp khó hiểu hy hữu đệ nhất mà chư Phật thành tựu, chỉ có Phật với Phật mới biết tường tận. Thật tướng của các pháp đó là các pháp tướng như thế, tính như thế, thể như thế, lực như thế, tác như thế, nhân như thế, quả như thế, báo như thế, gốc ngọn rớt ráo như thế”. Vì thế biết thật tướng của nhất tâm đều là các pháp. Các pháp được sinh ra đều từ sự huân tập thiện ác hiện hành. Thức thứ tám chứa đựng chủng tử là nhân, phát khởi báo ứng nhiễm tịnh sai biệt là quả. Nếu không phân tích tỉ mỉ, hỏi đáp quyết nghi thì do đâu đến được cội nguồn tổng biệt nhất tâm, thấu triệt tính tướng của tám thức.

Cổ đức nói: “Năm giềng là định giăng lưới, không thể bỏ lưới mà còn giềng; nắm cổ áo là định mặc áo, chẳng thể vứt áo mà giữ lại cổ áo. Nếu chỉ gom góp mà không bày tỏ thì cũng như có lưới không có giềng; nếu chỉ bày tỏ mà không gom góp thì như có giềng

không có lưới”. Cho nên biết rằng lý sự đều tỏ mới thông suốt viên chỉ, giáo quán cùng vận dụng mới đạt đến nhất thừa. Như Bồ-tát Đẳng giác sắp tròn diệu quả liền vào lưới huyền, bắt chước phàm phu, tu tập tam-muội thế gian, đầy đủ thần thông thiện xảo. Chủ đích là thuyết minh đại chỉ, cần phải trước lập sau phá để tẩy gội tình trần. Nhưng ngay khi phá lập đồng thời mà không chỗ phá, không như quyền giáo định chấp hữu môn giáo tướng, đâu thể sánh với Tiểu thừa chỉ chứng lý không do phân tích các pháp. Nay thì lấy biệt thành tông, đem thiên hiển viên; biệt thành tông mà nhất tế không sai biệt, thiên hiển viên mà muôn pháp cùng ý chỉ, khai hợp tự tại, ẩn hiển vô cùng. Nếu chấp trước thì thành ung brou của vạn hữu, nếu quyết định thì là cội rễ của tứ ma. Hàng Bồ-tát Đại thừa Sơ địa trở lên mới thấu hiểu bách pháp minh môn này, cho đến chư Phật mười phương đều chứng, đều duyên căn bản trí và hậu đắc trí. Nếu chẳng chứng tính duy thức thì chẳng thành tựu căn bản trí, không trông mong thành Phật; nếu chẳng rõ tướng duy thức, bách pháp minh môn thì chẳng thành tựu hậu đắc trí, thiếu sót hạnh hóa tha. Bách pháp duy thức này là căn bản tính tướng của tất cả pháp hữu vi, vô vi, chân, tục. Do đó kinh nói: “Nếu chẳng chứng chân như thì đâu thể rõ các hạnh. Nếu chẳng chứng tính chân như duy thức thì đâu thể hiểu rõ hành tướng của bách pháp duy thức. Vì thế nói căn bản trí chứng tính bách pháp; hậu đắc trí duyên tướng bách pháp”.

*Luận Đại Thừa Khởi Tín* ghi: “Lòng tin thành tựu ba loại phát tâm: một là phát tâm chân chính, vì như lý chính niệm pháp chân như; hai là phát tâm thâm trọng, vì thích tu tập tất cả các thiện hạnh; ba là phát tâm đại bi, vì nguyện dẹp trừ nỗi khổ cho tất cả chúng sinh”.

Hỏi: Tất cả chúng sinh, tất cả các pháp đều đồng một pháp giới không có hai tướng; theo lý chỉ nên chính niệm chân như, cần gì phải tu tất cả thiện hạnh để cứu độ chúng sinh ?

Đáp: Chẳng đúng! Như bản chất ngọc ma- ni, sáng sạch ở trong quặng như ướ, dù có người luôn nghĩ nhớ nhưng không ra sức khai thác mà muốn được ngọc sáng thì không thể được. Pháp chân như cũng thế thể nó tuy sáng sạch đầy đủ công đức nhưng bị vô biên khách trần vây bản. Dù có người luôn nghĩ nhớ nhưng không dùng phương tiện tu tập các hạnh mà muốn cầu thanh tịnh thì không có lý. Cho nên cần phải tích lũy tất cả thiện hạnh để cứu giúp tất cả chúng sinh, xa lìa vô biên khách trần cấu nhiễm, hiển hiện pháp chân thật.

*Khởi Tín Sớ* ghi: “Một là trực tâm, chính niệm pháp chân như tức tâm bình đẳng, đã không phân chia thì nào có quanh co, tức là căn bản của hai hạnh. Hai là thâm tâm là nghĩa tận nguồn, thiếu một điều thiện thì không thể về nguồn; nếu đã về nguồn hẳn là đầy đủ muôn hạnh, cho nên nói vì ưa tích lũy các thiện hạnh, đây là căn bản của hạnh tự lợi. Ba là đại bi tâm là cứu giúp tất cả, cho nên nói vì muốn dẹp trừ nỗi khổ cho tất cả chúng sinh, đây là căn bản của hạnh lợi tha”.

Trực tâm ban đầu này chỉ chính niệm pháp chân như là tông, là gốc; từ đây khởi lên thâm trọng tâm, đại bi tâm là hạnh.

Lại triển khai trực tâm làm mười tâm:

1- Tâm quảng đại, vì thế nguyện quán tất cả pháp đều như như.

2- Tâm thâm thâm, vì thế nguyện quán tận cùng nguồn gốc chân như.

3- Tâm phương tiện, vì tìm tòi lựa chọn phương tiện hướng đến chân như.

4- Tâm kiên cố, lúc tu quán này dù gặp khổ hay vui cùng cực cũng không rời bỏ pháp quán tâm này.

5- Tâm vô gián, vì quán chân lý tận cùng thuở vị lai không cần biết bao lâu.

6- Tâm chiết phục, vì khi mất chính niệm, phiền não tạm khởi liền giác sát chiết phục để cho quán tâm tương tục.

7- Tâm thiện xảo, vì quán chân lý chẳng ngại tùy sự, khéo tu muôn hạnh.

8- Tâm bất nhị, vì quán chân lý nhất vị cùng muôn hạnh tùy sự hòa hợp không hai.

9- Tâm vô ngại, vì lý sự hoàn toàn dung thông bất nhị khiến cho sự toàn lý mà tương tức tương nhập.

10- Tâm viên minh, vì đôn quán pháp giới, toàn nhất toàn đa đồng thời hiển hiện, vô chương vô ngại, tức là mười tâm này lý hạnh đầy đủ.

Vả lại, không có lý thì không thể hướng dẫn hạnh, không có hạnh thì không thể thành lý, có thể nói rằng tức lý của chân như, thành hạnh của chân như; không có một pháp có thể ra ngoài tính tướng của duy thức. Nên biết nhất tâm là tính của muôn pháp, muôn pháp là tướng của nhất tâm. Tướng tức tướng của tính, là đa trong nhất; tính tức tính của tướng, là nhất trong đa. Nếu chẳng hiểu tính cũng chẳng hiểu tướng thì tướng nó hư vọng; nếu chẳng biết tướng cũng chẳng biết tính thì tính nó đơn độc. Như vậy cần phải thông đạt cả tính tướng mới mong lợi ích tự tha.

*Kinh Thủ Lăng Nghiêm* nói: “Huyễn vọng gọi là tướng, tính của nó là diệu giác minh thể”. Thế nên nếu thiên chấp tướng thì thành vọng, định theo tính thì trầm không. Nay thì tính tướng dung thông, chân vọng giao triệt không rơi vào hai kiến thường, đoạn trở thành tông vô tận, cho nên biết rằng nếu muốn thâm đạt cội nguồn pháp, tận cùng ý chỉ Phật thì chẳng phải bậc thượng trí không thể hiểu, hạng hạ cơ làm sao có thể thông? Do đó *kinh Pháp Hoa* có kệ:

*Quả báo lớn như thế  
Các thứ nghĩa tính tướng  
Ta cùng Phật mười phương  
Có thể biết việc ấy.*

Lại kiến giải viên minh là mắt, hạnh giải tương ưng là chân; mắt chân nương tựa, lý hạnh phù trợ thì có thể đến thành niết-bàn, ao thanh lương.

Nếu định tuệ chưa huân tập như ngọc ma-ni ản trong quặng; tính tướng chẳng biện biệt như gương xưa chưa mài mà trông mong có châu báu, có gương soi thì không có lý.

Nếu hạt châu ý đã sạch, chiếc gương tâm đã sáng, còn thêm huân tu muôn hạnh thì càng sáng sạch. *Kinh Hoa Nghiêm* ghi: “Này Phật tử, ví như thợ kim hoàn khéo luyện kim, càng vào lửa vàng càng sáng sạch, trở nên đẹp đẽ tùy ý sử dụng. Bồ-tát cũng thế, cúng dường chư Phật giáo hóa chúng sinh đều là nền tảng cho sự tu hành thanh tịnh. Những thiện căn có được đều đem hồi hướng về nhất thiết trí, càng thêm sáng sạch thành tựu mỹ mãn, tùy ý sử dụng”. Nhưng tu tập vạn hạnh đều là do chính mình thực hành.

Tiên đức nói: “Tất cả Phật sự vô biên hóa môn đều do chính mình linh động thực hành, tức là do trong tự tâm có chân như thể đại, ngày nay thể hội dẫn xuất pháp thân; do trong tâm có chân như tướng đại, ngày nay liễu đạt dẫn xuất báo thân; do trong tâm có chân như dụng đại, ngày nay tu hành dẫn xuất hóa thân; cho đến mùi ba-la-mật tất cả trần sa vạn hạnh cũng dẫn xuất từ trong tự tâm, chưa từng được một pháp, hành một hạnh ở ngoài tâm. Nếu nói rằng có cái mới được từ bên ngoài ấy là ma vương ngoại đạo nói”.

Hỏi: Người đã tin pháp này lại có thoái chuyển chẳng ?

Đáp: Tin có hai thứ:

1- Nếu chính tín kiên cố, hiểu đúng chẳng ngại, lý quán rõ ràng, thừa giới đều gặp. Nếu được như thế thì một đời đã giải quyết xong, bàn đến thoái chuyển làm gì ?

2- Nếu nương vào sự thông hiểu mà tin, sức quán thô phù, tập khí nặng nề, trần cảnh dòn dập, gặp duyên liền thoái. *Luận Hoa Nghiêm* ghi: “Nhu kinh Niết-bàn nói nghe hai chữ thường trụ mà bảy đời còn không đọa địa ngục. Kinh Hoa Nghiêm nói cho dù nghe danh hiệu Như Lai và pháp đã thuyết mà không sinh tín giải cũng có thể thành hạt giống, chắc chắn được giải thoát sẽ thành Phật”.

Vì sao kinh nói đệ lục trụ tâm và từ phạm phu tín vị vẫn nói có thoái chuyển. Ý này có phải là hòa hội ? Giải thích: Trong Thập tín thắng giải chưa thành, chưa được cho là được bèn sinh kiêu mạn, chẳng chịu gần bạn lành, chẳng kính bậc hiền lương; vì kiêu mạn lười biếng nên ở lâu nơi trời người, nghiệp ác sinh khởi, có thể trở thành nghiệp đại địa ngục. Nếu một khi tin không còn kiêu mạn, thường cầu bạn tốt thì không có lỗi này. Nếu đệ lục trụ tâm trong quyền giáo có thoái vị thì trong thật giáo cũng có thoái vị để quở trách những người trì trệ khiến họ tiến tu. Như ngài xá-lợi-phất thị hiện Thanh văn chứ thật ra chẳng phải Thanh văn, nhưng vì phương tiện để độ chúng sinh để họ tiến tu.

Như đệ lục trụ tâm trong quyền giáo thật sự có thoái chuyển, vì sao ? Hàng tam hiền địa tiền đều chưa thấy đạo, chỗ tu hành tạo nghiệp của họ đều là hữu vi, họ chỉ chiết phục vô minh, năng lực chưa mạnh nên sinh thoái chuyển. Nếu có năng lực chiết phục cũng chẳng thoái thất, như rắn có nọc độc nhưng vì có chú lực nên độc không thể khởi. Chỉ cần gieo trồng tín căn trong Phật pháp, khiêm hạ không kiêu mạn, kính thuận bậc hiền lương, tâm thương từ nhẫn đối với kẻ ác, thưa hỏi những điều chưa nghe nơi người giỏi hơn mình, vâng làm không quên những pháp thù thắng đã được nghe, y giáo trừ bỏ những điều hư vọng, siêng năng không ngừng nghỉ đối với đạo bồ-đề.

Pháp vì nhân sinh thì pháp hợp như thế, chỉ cần chẳng tạo thêm điều ác thì đâu cần lo thoái chuyển ? *Hoa Nghiêm Sớ* nói: “Thâm tâm tín giải thường thanh tịnh là tin phiền não là bồ-đề mới là thường tịnh, do xứng bản tính mà phát tâm bồ-đề, bản lai là Phật không còn chỗ tiến tới như trong hư không thoái lui đến chỗ nào ?

-----